

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ NĂNG LỰC PHỤC VỤ CỦA BM VI SINH VẬT

Mục đích : Phục vụ công tác nghiên cứu của CBGD, NCS và sinh viên thực tập tốt nghiệp tại Bộ môn

Số TT	Mã số tài sản	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Nước SX	Thông số kỹ thuật	Tính năng, mục đích sử dụng
1	61.06.530.20	Tủ lạnh	Cái	01	Nhật		Bảo quản mẫu; môi trường và giữ giống VSV
2	61.06.528.24	Kính hiển vi 1 mắt	Cái	9	Nhật	Model YS100 220/230/240V 0.3A 50-60Hz	Quan sát hình thái tế bào VSV
3	61.06.528.25	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	6	Nhật		Quan sát hình thái tế bào VSV
4	61.06.528.27	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	01	Mỹ		Xác định mật độ VSV trên MT bán rắn
5	61.06.528.31	Tủ cấy vô trùng	Cái	01	Việt Nam		Không gian làm các TN và cấy VSV
6	61.06.530.33	Tủ lạnh	Cái	01	Hàn Quốc		Bảo quản mẫu; môi trường và giữ giống VSV
7	61.06.530.34	Tủ lạnh sâu	Cái	01	Nhật		Bảo quản mẫu; môi trường và giữ giống VSV
8	61.06.530.35	Tủ sấy	Cái	01	Đức		Khử trùng dụng cụ, sấy mẫu...
9	61.06.528.43	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	01	Đức		Quan sát hình thái tế bào VSV
10	61.06.528.45	Nồi hấp	Cái	01	Nhật	Model KT-30L AC220V; 50/60Hz; 1 phase Max. working pressure 0.18 MPa Chamber volume 0.049 m3	Khử trùng dụng cụ, môi trường; nước
11	61.06.528.47	Tủ cấy vô trùng	Cái	01	Singapore	Auto still WG203 AC 100V50/60Hz 15A	Không gian làm các TN và cấy VSV
12	61.06.528.54	Tủ định ôn	Cái	01	Đức		Nuôi VSV
13	61.06.528.55	Nồi hấp	Cái	1	Nhật	Model ES-315 AC 220v; 50/60Hz, 1 phase Max. working pressure 218 kPa Chamber volume 0.053 m3	Khử trùng dụng cụ, môi trường; nước
14	61.06.528.61	Bể điều nhiệt	Cái	1	Hàn Quốc	Nhiệt độ cài đặt: Từ nhiệt độ môi trường +5°C- 100°C; Lưu lượng bơm: 14 lít/ phút; Độ phân giải nhiệt độ: ± 0.1°C; Độ đồng nhất nhiệt độ: ± 0.2 °C; Cảm biến nhiệt độ: PT 100; Kích thước trong bể (WxDxH): 500×295×150mm; Kích thước ngoài (WxDxH): 536×335×400mm; Công suất: 2kW; Nguồn: 220V, 50Hz	Bảo quản môi trường ở nhiệt độ ổn định trong quá trình phân tích; định lượng một số chỉ tiêu VSV như Coliform; E. Coly; Salmonella...

15	61.06.528.62	Máy đo DO	Cái	1	Rumani	Chống thấm nước; O2: 0-45 mg/L; Độ oxi hóa: 0-300%; Nhiệt độ: 0-50 oC; Độ phân giải: 0.01 mg/L; 0.1 %O2; 0.1oC.; Độ chính xác: $\pm 1.5\%$ FS (O2) ; ± 0.5 oC.; Môi trường làm việc: 0-50 oC (32 – 122oF); RH max: 100 %.; Cáp dài 4 m; Nguồn điện: sử dụng 4 pin 1.5 V, sử dụng 200 giờ liên tục, tắt máy sau 4 giờ không sử dụng; Kích thước: 196 x 80 x 60 mm (7.7 x 3.1 x 2.4")	Xác định sự thay đổi thông số DO của môi trường nước khi thử nghiệm hiệu quả xử lý nước thải bằng CNSH
16	61.06.528.63	Tủ lăc ổn nhiệt	Cái	1	Anh	Thang nhiệt độ: nhiệt độ môi trường 5°C đến 60°C với độ biến thiên 0.1°C; Độ chính xác: 0.50C; Thang tốc độ: 30 – 300 rpm; Tải trọng tối đa: 10 kg	Nuôi, nhân giống VSV trong môi trường dịch thể trong điều kiện nhiệt độ ổn định.
17	61.06.528.64	Cân phân tích	Cái	1	TQ	Năng lực trọng lượng: 220g; Sai số: 0.001 g; Độ tuyến tính: ± 0.002 g; Thời gian ổn định (khi thiết lập để FAST): 1 giây; Độ nhạy (10 ° C đến 30 ° C): ± 2 ppm / ° C; Nhiệt độ hoạt động: 5 ° C đến 40 ° C (41 ° F đến 104 ° F), 85% RH hoặc ít hơn (không ngưng tụ); Cân chảo (đường kính): 130mm; Công suất tiêu thụ: 11VA; Kích thước ngoài: 193 (W) X 262,5 (D) X 85.5 (H) mm; Trọng lượng tịnh: 3,0 kg	Cân hoá chất để pha các thuốc nhuộm và dung dịch hoá chất ở các loại nồng độ khác nhau
18	61.06.528.65	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	1	Pháp	Điều khiển : Thermostatic (Nhiệt tĩnh); Vật liệu bề mặt gia nhiệt: Al-Si Alloy; Kích thước bề mặt gia nhiệt: 180 x 180 (mm); Công suất gia nhiệt (Heat power): 480W; Bề mặt gia nhiệt lên đến 370 °C; Tốc độ khuấy: 100 - 1500 vòng/phút; "Dung tích khuấy lớn nhất (Max. stirring capacity): 10 L"; Kích thước(w x d x h): 217 x 352 x 100 mm; Khối lượng: 4.6kg	Pha hoá chất
19	61.06.528.66	Máy quang phổ định lượng VK	Cái	1	Đức	Bước sóng 600nm; Độ rộng bandwidth: 40nm; Dải mật độ quang học: - 0.3A to 1.99A; Độ chính xác: $< \pm 0.05A$ at 1A sử dụng bộ lọc Neutral Density; Độ lặp lại: $\pm 0.02A$ tại 1A	Định lượng vi khuẩn
20	61.06.528.67	Kính hiển vi	Cái	1	TQ		Quan sát hình thái tế bào VSV
21	61.06.582.69	Máy lọc nước siêu	cái	1	Nhật bản	Điện trở suất: 18.2 M Ω • cm ở 25 ° C; Tốc độ dòng tức thì (với các	Tạo nước cất, nước sạch pha hoá chất, môi trường

		sạch				ứng dụng Pak bộ lọc cuối (trong nghiên cứu VSV cùng);> 0,5 l / phút; TOC: <5 ppb; Các hạt (kích thước> 0,22 mm) sau lọc: <1 hạt / ml; Vi khuẩn sau lọc: <0.1 cfu / ml; Nội độc tố sau lọc: <0.001 EU / ml; Rnases sau lọc: <0,01 ng / ml; Dnases sau lọc <4 pg / ml; Kích thước (H x W x D): 51 x 29 x 36 cm	
22	61.06.528.70	Cân kỹ Thuật	cái	1	Trung Quốc	Khả năng cân tối đa: 210g; Độ chính xác: 10-4g (d=e=0.1mg) (độ lặp lại, e độ chính xác); Độ lặp lại: 0.0001g ; Độ tuyến tính: ± 0.0002g; Đơn vị cân: gram, kg, milli-gram, ounce, ounce troy, carat, penni, Lạng Hong Kong, Lạng Singapore, Lạng Đài loan	Cân hoá chất, mẫu...
23	61.06.530.71	Tủ lạnh	Cái	01	Việt nam		Bảo quản mẫu; môi trường và giữ giống VSV

Liên hệ: Vũ Thị Xuân Hương , ĐT: 0388683295